

Bản án số:783/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08-11-2018

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thanh Nhân

***Các Hội thẩm nhân dân :***

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Dung

2/ Bà Tiêu Kim Thuận

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2018, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2018/QĐXX-ST ngày 28/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/10/2018 giữa các đương sự :

***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Trần Bảo L, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: 493/151 Bis Cách Mạng Tháng Tám, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Bị đơn:*** Bà Trần Kim T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: 493/151 Bis Cách Mạng Tháng Tám, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2018, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Ông Nguyễn Trần Bảo L trình bày:

Ông L và bà T tự nguyện chung sống từ năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 5 theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/2005 ngày 15/3/2005.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống được một thời gian khá hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà T không quan tâm đến gia đình, thường xuyên gây gổ nhau. Mâu thuẫn bắt đầu trầm trọng hơn khi bà T thường xuyên kiếm chuyện và to tiếng với Ông L. Bản thân Ông L nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả. Do vợ chồng không còn tình cảm nên Ông L đã sống ly thân từ năm 2014. Nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Ông L xin được ly hôn với bà T

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Bảo Khoa sinh ngày 18/10/2006 và Nguyễn Bảo Khang sinh ngày 23/9/2014. Khi ly hôn Ông L đồng ý giao con cho bà T nuôi và cấp dưỡng tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L khai không có không yêu cầu toà án giải quyết.

Bị đơn Bà Trần Kim T vắng mặt trong suốt quá trình tòa thụ lý và giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do bị đơn vắng mặt, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số hôn số 17/2005 ngày 15/3/2005 của Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 5, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Trần Kim T và Ông Nguyễn Trần Bảo L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay Ông L yêu cầu ly hôn là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Bà T hiện đang cư trú tại địa chỉ 493/151 Bis Cách Mạng Tháng Tám, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét bị đơn Bà Trần Kim T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Xét đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn Ông Nguyễn Trần Bảo L là hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của Ông L, Hội đồng xét xử xét thấy :

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa tham gia tố tụng, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình, do vậy Tòa căn cứ vào chứng cứ và lời khai của nguyên đơn để giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được, Ông L trình bày, vợ chồng sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân. Nguyên nhân là do Bà T không quan tâm đến cuộc sống gia đình, thường xuyên to tiếng dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng rất nặng nề. Bản thân Ông L đã nộp đơn xin được ly hôn nhưng được động viên hàn gắn nên đã hai lần rút đơn để tiếp tục đời sống vợ chồng. Đến nay, bà T vẫn không thay đổi mà đời sống chung ngày càng trầm trọng nên Ông L vẫn giữ nguyên mong muốn được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án bà T không tham gia hòa giải cho thấy bản thân bà T cũng không thiết tha đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nay Ông L xin ly hôn Bà T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Bảo Khoa sinh ngày 18/10/2006 và Nguyễn Bảo Khang sinh ngày 23/9/2014. Xét yêu cầu của Ông L xin được nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào tờ trình bày nguyện vọng của trẻ Khoa và trẻ Khang mong muốn được ở với mẹ cũng như hiện tại các trẻ đang được Ông L chăm sóc, giáo dục. Do đó, việc giao trẻ Khoa và trẻ Khang cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quyền lợi và nguyện vọng của trẻ nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên Tòa không xem xét giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung: Ông L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông L phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 5, khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn :

Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Trần Bảo L được ly hôn Bà Trần Kim T.

Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Bảo Khoa sinh ngày 18/10/2006 và Nguyễn Bảo Khang sinh ngày 23/9/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về tài sản chung: Ông L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Ông L chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0040985 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ đối với Ông L và Bà T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.B;
- Chi cục THADS Q.B;
- Dương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Nhàn**